

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST

Ngày: 03 – 9 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Minh Muội** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Khuru Thị N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: số F, khóm H, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số F, khóm H, phường V, tỉnh Cà Mau). *(Vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau). *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Khuru Thị N trình bày:*

Vào ngày 10/02/2023, chị có cho anh C vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng (chỉ thỏa thuận miệng, không có ghi trong biên nhận), anh C hứa vài tháng trả lại. Việc vay tiền thì anh C có tự viết biên nhận ngày 10/2/2023 (chị đã cung cấp cho Tòa án). Sau đó (không nhớ thời gian), chị tiếp tục cho anh C vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng (chỉ thỏa thuận miệng, không có ghi trong biên nhận), hứa một tháng trả lại. Việc cho vay này chỉ thỏa

thuận miệng, không có làm biên nhận. Đến ngày 19/7/2023, chị tiếp tục cho anh C vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng (chỉ thỏa thuận miệng, không có ghi trong biên nhận), thỏa thuận một tháng trả lại. Việc vay tiền thì anh C có tự viết biên nhận ngày 19/7/2023 cho chị (chị đã cung cấp cho Tòa án), trong biên nhận này thì anh C tự ghi cộng luôn số tiền 30.000.000 đồng vay lần trước mà không có biên nhận, tổng cộng là 70.000.000 đồng.

Như vậy, anh C đã vay của chị tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Sau khi vay anh C không đóng lãi cho chị như thỏa thuận và cũng không trả tiền gốc nên chị có gửi đơn yêu cầu đến cơ quan anh C làm việc là Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đến thời điểm tháng 12/2024, thì Công an huyện V có mời anh C đến để giải quyết thì anh C thừa nhận còn nợ chị số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng. Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã gửi cho chị Thông báo kết luận nội dung tố cáo số 03/TB-CAVL-TM ngày 08/01/2025 xác định anh C có vay mượn nợ của chị số tiền 120.000.000 đồng là đúng sự thật. Sau đó, chị được biết anh C xin nghỉ việc, chị đến cơ quan anh C liên hệ thì được hướng dẫn chị nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì anh C có chuyển khoản trả cho chị số tiền lãi là 20.000.000 đồng, còn phần tiền gốc là 100.000.000 đồng thì anh C hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị 10.000.000 đồng nên chị đồng ý rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi chị rút đơn thì anh C có chuyển khoản trả chị được số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Sau đó thì anh C không trả tiền cho chị hàng tháng như đã thỏa thuận cho đến nay, chị không liên lạc được với anh C nên chị tiếp tục khởi kiện anh C.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Phi C có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án trên số tiền gốc anh Công nợ chị là 90.000.000 đồng), tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Đến ngày 29/8/2025, chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu anh C trả tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày Tòa án xét xử (là ngày 03/9/2025) với mức lãi suất theo quy định pháp luật 10%/năm là 6.050.000 đồng, chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh C trả số tiền lãi là 3.950.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Phi C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khuru Thị N đối với anh Nguyễn Phi C. Buộc anh Nguyễn Phi C có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử (ngày 03/9/2025) trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm là 6.050.000 đồng,

tổng cộng gốc và lãi là 96.050.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Khuru Thị N yêu cầu anh Nguyễn Phi C trả số tiền lãi là 3.950.000 đồng.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Khuru Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Phi C, anh C đang cư trú trên địa phương B, tỉnh Cà Mau nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại, Tòa án Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Chị N xác định vào ngày 10/02/2023 có cho anh C có vay số tiền gốc 30.000.000 đồng, sau đó (không nhớ ngày) chị N cho anh C vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2023, chị N tiếp tục cho anh C vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%-5%/tháng. Khi vay tiền anh C có tự viết biên nhận nợ xác định số tiền vay của chị N tổng cộng là 100.000.000 đồng. Đến ngày 05/3/2025, anh C có chuyển khoản trả cho chị N được số tiền lãi 20.000.000 đồng và sau đó (không nhớ ngày) anh C chuyển khoản trả được số tiền gốc 10.000.000 đồng, còn nợ lại chị N số gốc là 90.000.000 đồng đến nay không thanh toán nên chị N khởi kiện yêu cầu anh C trả nợ.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị N cung cấp bản chính 02 biên nhận ngày 10/02/2023 và ngày 19/7/2023 do anh C tự viết thừa nhận vay của chị N số tiền gốc 30.000.000 đồng và 70.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng và anh C ký tên vào biên nhận. Ngoài ra, chị N còn cung cấp Thông báo kết luận nội dung tố cáo số 03/TB-CAVL-TM ngày 08/01/2025 của Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác định anh C có vay, mượn nợ 120.000.000 đồng gồm nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 20.000.000 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, anh C đã được Tòa án thông báo về việc chị N khởi kiện, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Từ đó cho thấy, việc anh C có vay tiền của chị N và hiện vẫn còn nợ tiền chị N là thực tế có xảy ra. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu anh C trả tiền là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu đối với số tiền gốc: Như đã phân tích trên, căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp thì anh Công nợ chị N số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Chị N xác định anh C đã trả cho chị N được số tiền gốc là 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 90.000.000 đồng. Do đó, chị N yêu cầu anh C phải trả số tiền gốc còn nợ 90.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi: Chị N xác định khi vay tiền hai bên có thoả thuận lãi suất, tuy không có ghi trong hợp đồng nhưng đã được anh C thừa nhận theo Thông báo kết luận nội dung tố cáo số 03/TB-CAVL-TM ngày 08/01/2025 của Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi vay tiền thì anh C có trả cho chị N được số tiền lãi 20.000.000 đồng là tính đến thời điểm chị N gửi đơn tố cáo anh C là tháng 12 năm 2024. Nay chị N yêu cầu anh C phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc là 90.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, lãi suất sẽ được tính như sau: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử (là ngày 03/9/2025), thời gian 08 tháng 02 ngày trên số tiền gốc 90.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm thì tiền lãi là 6.050.000 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc anh C có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử (ngày 03/9/2025) trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm là 6.050.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 96.050.000 đồng.

[8] Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh C trả số tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày Tòa án giải quyết là 10.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N xác định chỉ yêu cầu anh C trả số tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 03/9/2025) trên số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 6.050.000 đồng nên chị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi đã khởi kiện yêu cầu anh C trả là 3.950.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện chị N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu anh C trả số tiền lãi là 3.950.000 đồng.

[9] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.802.500 đồng. Chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Khuru Thị N đối với anh Nguyễn Phi C.

Buộc anh Nguyễn Phi C có nghĩa vụ trả cho chị Khuru Thị N số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 6.050.000 đồng, tổng cộng là 96.050.000 đồng (Chín mươi sáu triệu không năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Khuru Thị N yêu cầu anh Nguyễn Phi C trả số tiền lãi là 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Phi C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.802.500 đồng. Chị Khuru Thị N không phải chịu án phí. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000599 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (này là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly